

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**  
**CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**

**Mã hồ sơ: .....**



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Y học; Chuyên ngành: Y học hình ảnh

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: ĐOÀN TIẾN LƯU
2. Ngày tháng năm sinh: 02/09/1976 ; Nam ☒ ; Nữ ☐ ; Quốc tịch: Việt Nam;  
Dân tộc: Kinh ; Tôn giáo: Không
3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒
4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): xã Chi Lăng Bắc, Thanh Miện, Hải Dương.
5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Tổ 1, Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội
6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): TS. Đoàn Tiến Lưu, Bệnh viện Đại học Y Hà Nội- Số 1 Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại nhà riêng: .....; Điện thoại di động: 0989976589;  
E-mail: doantienluu@hmu.edu.vn
7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):  
Từ tháng 01 năm 2005 đến tháng 01 năm 2011: Bác sĩ chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh, Trưởng đơn nguyên Kỹ thuật cao, Phó trưởng khoa Chẩn đoán hình ảnh- Bệnh viện Thanh Nhàn, Hà Nội.  
Từ tháng 02 năm 2011 đến tháng 12 năm 2014: Bác sĩ khoa Chẩn đoán hình ảnh - Bệnh viện Đại học Y Hà Nội  
Từ tháng 12 năm 2014 đến tháng 02 năm 2021: Phó trưởng khoa Chẩn đoán hình ảnh - Bệnh viện Đại học Y Hà Nội  
Từ tháng 3 năm 2020 đến nay: Giảng viên cơ hữu Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh, Đại học Y Hà Nội

Từ tháng 02 năm 2021 đến Nay: Phó Giám đốc Trung tâm Chẩn đoán hình ảnh và Can thiệp điện quang - Bệnh viện Đại học Y Hà Nội

Từ tháng 02 năm 2025 đến Nay: Trưởng khoa Chẩn đoán hình ảnh cơ sở Hoàng Mai, thuộc Trung tâm Chẩn đoán hình ảnh và Can thiệp điện quang - Bệnh viện Đại học Y Hà Nội

Chức vụ: Hiện nay: Phó Giám đốc Trung tâm Chẩn đoán hình ảnh và Can thiệp điện quang - Bệnh viện Đại học Y Hà Nội

Trưởng khoa Chẩn đoán hình ảnh cơ sở Hoàng Mai, thuộc Trung tâm Chẩn đoán hình ảnh và Can thiệp điện quang - Bệnh viện Đại học Y Hà Nội

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Y Hà Nội

Địa chỉ cơ quan: Số 1 Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 024 3852 3798

8. Đã nghỉ hưu: Chưa nghỉ hưu

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng Đại học ngày 07 tháng 09 năm 2000; số văn bằng: C0258708 ; ngành: Y khoa, chuyên ngành: Bác sĩ đa khoa; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Y Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng Bác sĩ nội trú ngày 20 tháng 10 năm 2005; số văn bằng: C000110; ngành: Y khoa; chuyên ngành: Chẩn đoán hình ảnh; Nơi cấp bằng BSNT (trường, nước): Trường Đại học Y Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng Thạc sĩ ngày 14 tháng 08 năm 2009; số văn bằng: A003114; ngành: Y khoa ; chuyên ngành: Chẩn đoán hình ảnh; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Y Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng Tiến sĩ ngày 16 tháng 03 năm 2020; số văn bằng: 10197; ngành: Y khoa; chuyên ngành: Chẩn đoán hình ảnh; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Y Hà Nội, Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa có

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: **Trường Đại học Y Hà Nội.**

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: **Y học.**

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Nghiên cứu áp dụng chẩn đoán hình ảnh chuyên sâu trong bệnh lý hô hấp, ung thư và một số bệnh lý khác.

Nghiên cứu phát triển và ứng dụng các kỹ thuật can thiệp tối thiểu dưới hướng dẫn của hình ảnh để hỗ trợ chẩn đoán và điều trị bệnh lý bạch mạch và một số bệnh lý khác.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 11 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 04, 02 đề tài cấp cơ sở, 02 cấp Bộ;
- Đã công bố (số lượng) 64 bài báo khoa học, trong đó 21 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Số lượng sách đã xuất bản 02, trong đó 02 sách thuộc nhà xuất bản có uy tín.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

*Danh hiệu thi đua*

| Năm        | Danh hiệu thi đua | Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định |
|------------|-------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2017- 2018 | CSTĐ cơ sở        | QĐ số 5876/QĐ-ĐHYHN ngày 30/10/2018 của Trường Đại học Y Hà Nội                              |
| 2018- 2019 | CSTĐ cơ sở        | QĐ số 259/QĐ-ĐHYHN ngày 14/02/2020 của Trường Đại học Y Hà Nội                               |
| 2021       | CSTĐ cơ sở        | QĐ số 560/QĐ-ĐHYHN ngày 25/03/2022 của Trường Đại học Y Hà Nội                               |
| 2022       | CSTĐ cơ sở        | QĐ số 186/QĐ-ĐHYHN ngày 28/01/2023 của Trường Đại học Y Hà Nội                               |
| 2024       | CSTĐ cơ sở        | QĐ số 276/QĐ-ĐHYHN ngày 04/02/2025 của Trường Đại học Y Hà Nội                               |

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

**B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ**

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

1.1. Tiêu chuẩn của nhà giáo:

Tôi tự đánh giá có đủ tiêu chuẩn của nhà giáo quy định tại điều 70 của Luật Giáo dục, cụ thể:

- Đã được đào tạo đạt trình độ chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ;
- + Có bằng tiến sĩ chuyên ngành Chẩn đoán hình ảnh, đúng chuyên ngành giảng dạy.
- + Có khả năng giao tiếp, nghiên cứu bằng tiếng Anh.

- Là giảng viên Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh- trường Đại học Y Hà Nội, tôi luôn có trách nhiệm với sinh viên, nhà trường nơi mình đang tham gia giảng dạy.
- Có đủ phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo, luôn tôn trọng nhân cách của người học, đối xử công bằng với người học, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của người học.
- Trung thực, khách quan và hợp tác với đồng nghiệp trong hoạt động giáo dục, nghiên cứu khoa học và công nghệ.
- Có đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp.
- Lý lịch bản thân rõ ràng.

#### 1.2. Nhiệm vụ của nhà giáo:

Tôi tự đánh giá đã thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao của nhà giáo:

- Là một giảng viên Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh- trường Đại học Y Hà Nội, tôi luôn thực hiện đầy đủ và nghiêm túc công tác giáo dục, giảng dạy theo mục tiêu, nguyên lý, chương trình giáo dục, đảm bảo hoàn thành tốt nội dung và thời lượng tham gia trực tiếp vào đào tạo đại học và sau đại học.
- Tôi luôn tạo cảm hứng cho sinh viên theo chuyên ngành Chẩn đoán hình ảnh để phát triển chuyên khoa nhằm phục vụ cho người bệnh ngày một tốt hơn.
- Tham gia tích cực vào xây dựng chương trình đổi mới giáo dục đại học theo chuẩn đầu ra của trường Đại học Y Hà Nội.
- Tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước, tham gia các hội nghị, hội thảo.
- Tích cực tham gia vào công tác đào tạo, hỗ trợ cán bộ giảng viên đồng nghiệp trẻ, để tạo nguồn cán bộ giảng dạy kế tiếp có chất lượng chuyên môn cao, có đạo đức trách nhiệm tốt và tâm huyết với sự nghiệp đào tạo.
- Thực hiện tốt vai trò gương mẫu của giảng viên bộ môn Chẩn đoán hình ảnh, kiêm nhiệm Phó Giám đốc Trung tâm Chẩn đoán hình ảnh và can thiệp điện quang Bệnh viện Đại học Y Hà Nội, kiêm nhiệm trưởng khoa Chẩn đoán hình ảnh cơ sở Hoàng Mai của Bệnh viện Đại học Y Hà Nội: Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, vận dụng tốt nhiệm vụ quản lý tại bệnh viện vào hỗ trợ công tác đào tạo như phân công các bác sĩ của đơn vị tham gia tích cực trong các hoạt động đào tạo của nhà trường.

#### 2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 6 năm

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

| TT              | Năm học   | Số lượng NCS đã hướng dẫn |     | Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn | Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD | Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp |       | Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*) |
|-----------------|-----------|---------------------------|-----|------------------------------------|-----------------------------------------|------------------------------------|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
|                 |           | Chính                     | Phụ |                                    |                                         | ĐH                                 | SDH   |                                                                                           |
| 1               | 2019-2020 |                           |     | 0                                  |                                         | 0                                  | 293,5 | 293,5/293,5/280                                                                           |
| 2               | 2020-2021 |                           |     | 0                                  |                                         | 222,5                              | 60,2  | 282,7/282,7/280                                                                           |
| 3               | 2021-2022 |                           |     | 3                                  |                                         | 193                                | 120,3 | 313,3/433,3/310                                                                           |
| 03 năm học cuối |           |                           |     |                                    |                                         |                                    |       |                                                                                           |
| 4               | 2022-2023 |                           |     | 4                                  |                                         | 44,4                               | 351,8 | 396,2/506,2/310                                                                           |
| 5               | 2023-2024 |                           |     | 4                                  |                                         | 16,8                               | 339,8 | 356,6/486,6/310                                                                           |
| 6               | 2024-2025 |                           |     | 0                                  |                                         | 19,8                               | 297,8 | 317,6/317,6/310                                                                           |

(\*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

### 3. Ngoại ngữ:

#### 3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

- a) Được đào tạo ở nước ngoài: Không
- b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: Không
- c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: Không
- d) Đối tượng khác: Không

#### 3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): B2 (Trường Đại học Hà Nội) ngày 14/01/2019

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

| ST<br>T | Họ tên NCS<br>hoặc<br>HVCH/CK2<br>/BSNT | Đối tượng |                   | Trách<br>nhiệm<br>hướng dẫn |     | Thời<br>gian<br>hướng<br>dẫn từ<br>...đến<br>... | Cơ sở đào<br>tạo        | Ngày, tháng, năm<br>được cấp bằng/có<br>quyết định cấp<br>bằng          |
|---------|-----------------------------------------|-----------|-------------------|-----------------------------|-----|--------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
|         |                                         | NCS       | HVCH/<br>CK2/BSNT | Chính                       | Phụ |                                                  |                         |                                                                         |
| 1       | Mã Mai Hiền                             |           | NT45              | ✓                           |     | 2021-<br>2022                                    | Trường<br>ĐHY Hà<br>Nội | Bằng thạc sĩ cấp<br>ngày 06/01/2023<br>Bằng BSNT cấp<br>ngày 20/10/2023 |
| 2       | Đỗ Thị Kim<br>Thùy                      |           | NT45              | ✓                           |     | 2021-<br>2022                                    | Trường<br>ĐHY Hà<br>Nội | Bằng thạc sĩ cấp<br>ngày 06/01/2023<br>Bằng BSNT cấp<br>ngày 20/10/2023 |
| 3       | Bùi Thị Thu<br>Hà                       |           | NT45              |                             | ✓   | 2021-<br>2022                                    | Trường<br>ĐHY Hà<br>Nội | Bằng thạc sĩ cấp<br>ngày 06/01/2023<br>Bằng BSNT cấp<br>ngày 20/10/2023 |
| 4       | Lê Thị Thùy<br>Linh                     |           | NT46              | ✓                           |     | 2022-<br>2023                                    | Trường<br>ĐHY Hà<br>Nội | Bằng thạc sĩ cấp<br>ngày 28/12/2023<br>Bằng BSNT cấp<br>ngày 01/11/2024 |
| 5       | Nguyễn Thị<br>Hảo                       |           | NT46              |                             | ✓   | 2022-<br>2023                                    | Trường<br>ĐHY Hà<br>Nội | Bằng thạc sĩ cấp<br>ngày 28/12/2023<br>Bằng BSNT cấp<br>ngày 01/11/2024 |
| 6       | Trương Thị<br>Ngọc Hà                   |           | NT46              |                             | ✓   | 2022-<br>2023                                    | Trường<br>ĐHY Hà<br>Nội | Bằng thạc sĩ cấp<br>ngày 28/12/2023<br>Bằng BSNT cấp<br>ngày 01/11/2024 |
| 7       | Tổng Thị<br>Khánh Hòa                   |           | NT46              |                             | ✓   | 2022-<br>2023                                    | Trường<br>ĐHY Hà<br>Nội | Bằng thạc sĩ cấp<br>ngày 28/12/2023<br>Bằng BSNT cấp<br>ngày 01/11/2024 |
| 8       | Lưu Phương<br>Thanh                     |           | CH31              | ✓                           |     | 2023-<br>2024                                    | Trường<br>ĐHY Hà<br>Nội | Bằng Thạc sĩ y<br>học cấp ngày<br>27/02/2025                            |
| 9       | Vũ Minh<br>Quý                          |           | CH31              | ✓                           |     | 2023-<br>2024                                    | Trường<br>ĐHY Hà<br>Nội | Bằng Thạc sĩ y<br>học cấp ngày<br>27/02/2025                            |
| 10      | Trịnh Hồng<br>Quang                     |           | CH31              | ✓                           |     | 2023-<br>2024                                    | Trường<br>ĐHY Hà<br>Nội | Bằng Thạc sĩ y<br>học cấp ngày<br>27/02/2025                            |
| 11      | Mai Thị<br>Quỳnh                        |           | CKII36            |                             | ✓   | 2023-<br>2024                                    | Trường<br>ĐHY Hà<br>Nội | Bằng CKII cấp<br>ngày 26/02/2025                                        |

**Ghi chú:** Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

| T<br>T | Tên sách                               | Loại sách<br>(CK, GT, TK, HD) | Nhà xuất bản và năm xuất bản | Số tác giả | Chủ biên                                                           | Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)                                      | Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách) |
|--------|----------------------------------------|-------------------------------|------------------------------|------------|--------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 1      | Kỹ thuật chụp X-quang (tập II)         | Giáo trình                    | Nhà xuất bản Y học, 2024     | 07         | Biên soạn (Chủ biên PGS.TS Trần Văn Việt; TS.BS Nguyễn Ngọc Cương) | Chương I, bài 1,2,3,4,5,6 (từ trang 7 đến trang 93)                          | Quyết định số 476/QĐ-ĐHKTYTHD ngày 12 tháng 01 năm 2024    |
| 2      | Bệnh lý tuyến giáp trong thực lâm sàng | TK                            | Nhà xuất bản y học, 2022     | 26         | Biên soạn (Chủ biên PGS.TS Vũ Bích Nga)                            | Biên soạn (Chương V, từ trang 326 đến trang 333; từ trang 355 đến trang 375) | Quyết định số 3417/QĐ-ĐHYHN ngày 25/08/2021                |

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: Không

**Lưu ý:**

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

| TT                                      | Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)                                     | CN/PCN/TK  | Mã số và cấp quản lý | Thời gian thực hiện | Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ |
|-----------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------|----------------------|---------------------|-----------------------------------------------------|
| <b>Trước khi được công nhận Tiến sĩ</b> |                                                                                    |            |                      |                     |                                                     |
| 1                                       | Giá trị của các phương pháp chẩn đoán và xây dựng quy trình chẩn đoán u tuyến giáp | Thành viên | Cấp Bộ               | 2014-2016           | 30/11/2016, Xếp loại: Khá                           |
| <b>Sau khi được công nhận Tiến sĩ</b>   |                                                                                    |            |                      |                     |                                                     |

|   |                                                                                                                                  |            |        |           |                              |
|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|--------|-----------|------------------------------|
| 2 | Xây dựng quy trình kỹ thuật và đánh giá giá trị của siêu âm, cộng hưởng từ trong chẩn đoán một số tổn thương khớp vai thường gặp | Thành viên | Cấp Bộ | 2019-2021 | 08/04/2022,<br>Xếp loại: Đạt |
| 3 | Giá trị của cộng hưởng từ trong phát hiện dị tật thần kinh thai nhi                                                              | CN         | Cơ sở  | 2020-2021 | 29/11/2024<br>Xếp loại: Đạt  |
| 4 | Nghiên cứu giá trị của cắt lớp vi tính liều thấp trên máy 128 lát trong chẩn đoán nốt mờ của phổi                                | CN         | Cơ sở  | 2021-2022 | 29/11/2024<br>Xếp loại: Đạt  |

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

| TT                                                                                                                               | Tên bài báo/báo cáo KH                                                                                                                                                                       | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí, kỷ yếu khoa học/ISSN/ISBN        | Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang       | Năm công bố |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------------|-----------------------------------------------|----------------------------------------------|--------------------------------------------|----------------------|-------------|
| <b>Hướng nghiên cứu 1: Nghiên cứu áp dụng chẩn đoán hình ảnh chuyên sâu trong bệnh lý hô hấp, ung thư và một số bệnh lý khác</b> |                                                                                                                                                                                              |            |                  |                                               |                                              |                                            |                      |             |
| <b>Trước khi bảo vệ luận án Tiến sĩ</b>                                                                                          |                                                                                                                                                                                              |            |                  |                                               |                                              |                                            |                      |             |
| <b>Các bài báo đăng trên tạp chí trong nước</b>                                                                                  |                                                                                                                                                                                              |            |                  |                                               |                                              |                                            |                      |             |
| 1                                                                                                                                | U tạo máu ngoài tủy xương trong khoang ngoài màng cứng ống sọ ngực                                                                                                                           | 2          |                  | Tạp chí y học thực hành<br>ISSN: 1859-1663    |                                              |                                            | Số 12 (799), 153-155 | 12/2011     |
| 2                                                                                                                                | Nhân một trường hợp chẩn đoán và điều trị tụy đôi, ống tụy phụ có sỏi, giãn dạng nang<br>( <a href="https://doi.org/10.55046/vjrn.6.239.2012">https://doi.org/10.55046/vjrn.6.239.2012</a> ) | 3          | ✓                | Tạp chí Điện quang Việt Nam (ISSN: 1859-4832) |                                              |                                            | Số 6, 106-109        | 02/2012     |
| 3                                                                                                                                | Giá trị của cắt lớp vi tính 6 đầu dò trong                                                                                                                                                   | 8          | ✓                | Tạp chí y học                                 |                                              |                                            | Số 11                | 11/2013     |

|                                              |                                                                                                                                                                                                     |   |   |                                                     |                                                     |  |                           |         |
|----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|--|---------------------------|---------|
|                                              | chẩn đoán giai đoạn ung thư dạ dày                                                                                                                                                                  |   |   | thực hành<br>ISSN: 1859-1663                        |                                                     |  | (893),<br>91-93           |         |
| 4                                            | Đặc điểm hình ảnh siêu âm và cắt lớp vi tính trong hội chứng Fitz- Hugh- Curtis                                                                                                                     | 3 |   | Tạp chí y học thực hành<br>ISSN: 1859-1663          |                                                     |  | Số 4<br>(959);<br>84-87   | 4/2015  |
| 5                                            | Nghiên cứu giá trị của siêu âm trong chẩn đoán ung thư tuyến giáp                                                                                                                                   | 3 | ✓ | Tạp chí y học thực hành<br>ISSN: 1859-1663          |                                                     |  | Số 10<br>(2024),<br>33-36 | 10/2016 |
| 6                                            | Nghiên cứu áp dụng thang điểm cộng hưởng từ trong chẩn đoán khả năng ác tính của u buồng trứng.                                                                                                     | 3 | ✓ | Tạp chí y học thực hành<br>ISSN: 1859-1663          |                                                     |  | Số 1<br>(1089),<br>86-90  | 01/2019 |
| 7                                            | Nghiên cứu giá trị của xung cộng hưởng từ động học sau tiêm thuốc đối quang (DCE-MR) trong chẩn đoán phân biệt u buồng trứng ác tính với u buồng trứng lành tính                                    | 3 | ✓ | Tạp chí y học thực hành<br>ISSN: 1859-1663          |                                                     |  | Số 3<br>(1092),<br>23-26  | 03/2019 |
| <b>Sau khi bảo vệ luận án Tiến sĩ</b>        |                                                                                                                                                                                                     |   |   |                                                     |                                                     |  |                           |         |
| <b>Các bài báo đăng trên tạp chí quốc tế</b> |                                                                                                                                                                                                     |   |   |                                                     |                                                     |  |                           |         |
| 8                                            | Extraperitoneal bladder perforation secondary to transurethral resection of bladder tumor ( <a href="https://doi.org/10.1016/j.radcr.2021.01.035">https://doi.org/10.1016/j.radcr.2021.01.035</a> ) | 6 | ✓ | Radiology Case Reports (ISSN: 1930-0433)            | Scopus, Q3, Pubmed, IF: 0.834, CS: 1.1 (2023)       |  | Vol 16, Issue 4, 811-814  | 01/2021 |
| 9                                            | The first case of Trichophyton spp. pneumonia reported in Vietnam ( <a href="https://doi.org/10.1016/j.rmcr.2021.101371">https://doi.org/10.1016/j.rmcr.2021.101371</a> )                           | 6 |   | Respiratory Medicine Case Reports (ISSN: 2213-0071) | Scopus, Q3, Pubmed, ESCI, IF: 1.285, CS: 1.5 (2024) |  | Vol 32, 101371, 1-4       | 02/2021 |
| 10                                           | Detecting Fetal Central Nervous System                                                                                                                                                              | 6 |   | Med Arch(ISSN:                                      | Scopus: Q3, PubMe                                   |  | 75(1), 45-49              | 02/2021 |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                             |   |   |                                                        |                                                          |  |                             |         |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|--------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|--|-----------------------------|---------|
|    | Anomalies Using Magnetic Resonance Imaging and Ultrasound ( <a href="https://doi.org/10.5455/medarh.2021.75.45-49">https://doi.org/10.5455/medarh.2021.75.45-49</a> )                                                                                       |   |   | 0350-199X)                                             | d,<br>CS:2.1<br>(2024)                                   |  |                             |         |
| 11 | Subcapsular urinoma following metastasis of testicular embryonal carcinoma ( <a href="https://doi.org/10.1016/j.eucr.2021.101615">https://doi.org/10.1016/j.eucr.2021.101615</a> )                                                                          | 6 | ✓ | Urology Case Reports (ISSN: 2214-4420)                 | Scopus, Q3, Pubmed, ESCI, IF: 0.528, CS: 0.9 (2024)      |  | Vol 37, 101615, 1-3         | 02/2021 |
| 12 | Wilms' Tumor in Horseshoe Kidney ( <a href="https://doi.org/10.1159/000514774">https://doi.org/10.1159/000514774</a> )                                                                                                                                      | 6 | ✓ | Case Reports in Nephrology and Dialysis (2296- 9705)   | Scopus, Q3, Pubmed, ISI, ESCI, IF: 1.143, CS: 1.6 (2024) |  | 11(2):124-128               | 06/2021 |
| 13 | An Extremely Rare Case of Splenic Rupture Secondary to Metastatic Gestational Choriocarcinoma ( <a href="https://doi.org/10.14740/wjon1356">https://doi.org/10.14740/wjon1356</a> )                                                                         | 6 | ✓ | World Journal of Oncology (ISSN: 1920-4531, 1920-454X) | Scopus, Q3, Pubmed, ISI, ESCI, IF: 4.448, CS: 3.1 (2024) |  | 12(1): 39-43                | 10/2021 |
| 14 | Diagnosis and treatment of hemosuccus pancreaticus induced by intraductal papillary mucinous neoplasm: a case report and review of the literature ( <a href="https://doi.org/10.1016/j.radcr.2021.07.051">https://doi.org/10.1016/j.radcr.2021.07.051</a> ) | 7 |   | Radiology Case Reports (ISSN: 1930-0433)               | Scopus, Q3, Pubmed, IF: 0.834, CS: 1.1 (2023)            |  | Vol 16, Issue 10, 3099-3103 | 10/2021 |
| 15 | Ultrasonic testicular size of 24,440 adult Vietnamese men and the correlation with age and hormonal profiles ( <a href="https://doi.org/10.1111/and.14333">https://doi.org/10.1111/and.14333</a> )                                                          | 7 |   | Andrologia(I SSN: 03034569, 14390272)                  | Scopus, Q3, Pubmed, ISI, ECIE, IF: 2.775, CS: 7.6 (2024) |  | 54(2), e14333, 1-9          | 11/2021 |
| 16 | Cholecystitis-an uncommon complication                                                                                                                                                                                                                      | 6 |   | World Journal of Clinical                              | Scopus, Q3, Pubmed,                                      |  | 10 (24), 8775-8781          | 08/2022 |

|                                                 |                                                                                                                                                                                                                                  |    |  |                                                                |                                                          |  |                               |         |
|-------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|--|----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|--|-------------------------------|---------|
|                                                 | following thoracic duct embolization for chylothorax: A case report ( <a href="https://doi.org/10.12998/wjcc.v10.i24.8775">https://doi.org/10.12998/wjcc.v10.i24.8775</a> )                                                      |    |  | Cases (ISSN: 2307- 8960)                                       | ISI, ESCI, IF: 1.337, CS: 1.2 (2021)                     |  |                               |         |
| 17                                              | A case report of primary pulmonary artery intimal sarcoma ( <a href="https://doi.org/10.1016/j.radcr.2022.03.052">https://doi.org/10.1016/j.radcr.2022.03.052</a> )                                                              | 9  |  | Radiology Case Reports (ISSN: 1930-0433)                       | Scopus, Q3, Pubmed, IF: 0.834, CS: 1.1 (2023)            |  | Volume 17, Issue 6, 1986-1990 | 08/2022 |
| 18                                              | Convolutional Neural Networks Improve Radiologists' Performance in Breast Cancer Screening for Vietnamese patients ( <a href="https://doi.org/10.1080/08839514.2022.2151185">https://doi.org/10.1080/08839514.2022.2151185</a> ) | 17 |  | Applied Artificial Intelligence (ISSN: 0883-9514, 1087-6545)   | Scopus, Q2, ISI, SCIE, IF: 1.58, CS: 7.6 (2024)          |  | Vol_36, Issue 1, e2151185     | 11/2022 |
| 19                                              | Case Report of 59-Year-Old Woman with Bilateral Upper Limb Musculoskeletal Amyloid, Initially Diagnosed as Rheumatoid Arthritis ( <a href="https://doi.org/10.12659/AJCR.938582">https://doi.org/10.12659/AJCR.938582</a> )      | 5  |  | American Journal of Case Reports ISSN: 1941-5923               | Scopus, Q3, ISI, ESCI, PubMed, IF: 1.128, CS: 1.4 (2024) |  | 24:e938582, 1-8               | 01/2023 |
| <b>Các bài báo đăng trên tạp chí trong nước</b> |                                                                                                                                                                                                                                  |    |  |                                                                |                                                          |  |                               |         |
| 20                                              | Giá trị của phân loại IOTA ANDEX trong siêu âm đánh giá khối u buồng trứng                                                                                                                                                       | 3  |  | Tạp chí Y học Việt Nam (ISSN:1859-1868)                        |                                                          |  | Tập 494, số 2, 184-187        | 09/2020 |
| 21                                              | Giá trị của cắt lớp vi tính trong đánh giá dị vật ống tiêu hóa sắc nhọn ( <a href="https://doi.org/10.55046/vjrn.49.781.2022">https://doi.org/10.55046/vjrn.49.781.2022</a> )                                                    | 4  |  | Tạp chí Điện quang & Y học hạt nhân Việt Nam (ISSN: 1859-4832) |                                                          |  | Số 49, 53-59                  | 11/2022 |
| 22                                              | Nghiên cứu giá trị của cắt lớp vi tính liều thấp trên máy 128 lát                                                                                                                                                                | 2  |  | Tạp chí Y học Việt Nam                                         |                                                          |  | Tập 520, số 2, 262-           | 11/2022 |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                         |   |   |                                                                        |  |  |                         |         |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|------------------------------------------------------------------------|--|--|-------------------------|---------|
|    | trong chẩn đoán nốt mờ của phổi<br><a href="https://doi.org/10.51298/vmj.v520i2.4184">https://doi.org/10.51298/vmj.v520i2.4184</a>                                                                                                                                      |   |   | (ISSN:1859-1868)                                                       |  |  | 266                     |         |
| 23 | Mức độ đồng thuận của cộng hưởng từ và siêu âm trong việc phát hiện một số bất thường sọ não của thai nhi<br><a href="https://doi.org/10.51298/vmj.v520i1.3756">https://doi.org/10.51298/vmj.v520i1.3756</a>                                                            | 2 | ✓ | Tạp chí Y học Việt Nam<br>(ISSN:1859-1868)                             |  |  | Tập 520, số 1A, 139-143 | 12/2022 |
| 24 | Imaging characteristics and predictive factors of complicated gastrointestinal foreign bodies in computed tomography<br><a href="https://tapchihocvietnam.vn/index.php/vmj/article/view/7396/6556">https://tapchihocvietnam.vn/index.php/vmj/article/view/7396/6556</a> | 4 |   | Tạp chí Y Học Việt Nam<br>(ISSN:1859-1868)                             |  |  | Vol 532, No 2, 121-129  | 10/2023 |
| 25 | Đặc điểm lâm sàng, mô bệnh học và X-quang tuyến vú của ung thư vú bộ ba âm tính<br><a href="https://doi.org/10.52852/tcncyh.v170i9.1937">https://doi.org/10.52852/tcncyh.v170i9.1937</a>                                                                                | 4 |   | Tạp chí Nghiên cứu Y học (Trường Đại học Y Hà Nội)<br>(ISSN:2354-080X) |  |  | Tập 170, số 9, 205-217  | 10/2023 |
| 26 | Nghiên cứu mối liên quan giữa các đặc điểm hình ảnh tổn thương phổi Covid-19 trên CLVT ngực với giai đoạn bệnh<br><a href="https://tapchihocvietnam.vn/index.php/vmj/article/view/7982/7051">https://tapchihocvietnam.vn/index.php/vmj/article/view/7982/7051</a>       | 3 |   | Tạp chí Y Học Việt Nam<br>(ISSN:1859-1868)                             |  |  | Tập 533, số 2, 319-323  | 12/2023 |
| 27 | Nghiên cứu đặc điểm hình ảnh viêm phổi covid-19 trên phim cắt                                                                                                                                                                                                           | 3 |   | Tạp chí Y học Việt Nam                                                 |  |  | Tập 533, số 1, 232-     | 12/2023 |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |   |   |                                                  |  |  |                               |         |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|--------------------------------------------------|--|--|-------------------------------|---------|
|    | lớp vi tính ngực và<br>môi liên quan với mức<br>độ bệnh<br>( <a href="https://doi.org/10.51298/vmj.v533i1.7758">https://doi.org/10.51298/vmj.v533i1.7758</a> )                                                                                                                                                                 |   |   | (ISSN:1859-1868)                                 |  |  | 236                           |         |
| 28 | Đặc điểm lâm sàng,<br>hình ảnh và mô bệnh<br>học người bệnh có tổn<br>thương phổi được<br>phân loại lung –<br>RADS 4 (2019)<br>( <a href="https://doi.org/10.51298/vmj.v533i2.7935">https://doi.org/10.51298/vmj.v533i2.7935</a> )                                                                                             | 3 |   | Tạp chí Y<br>học Việt<br>Nam<br>(ISSN:1859-1868) |  |  | Tập<br>533, số<br>2, 140-144  | 12/2023 |
| 29 | So sánh đặc điểm nốt<br>mờ phổi trên cắt lớp vi<br>tính liều thấp và cắt<br>lớp vi tính liều tiêu<br>chuẩn<br>( <a href="https://doi.org/10.51298/vmj.v537i1B.9161">https://doi.org/10.51298/vmj.v537i1B.9161</a> )                                                                                                            | 2 | ✓ | Tạp chí Y<br>học Việt<br>Nam<br>(ISSN:1859-1868) |  |  | Tập<br>537, số<br>1B, 302-305 | 04/2024 |
| 30 | Đặc điểm lâm sàng và<br>hình ảnh cộng hưởng<br>từ của bệnh cơ tim xóp<br>tại bệnh viện đại học y<br>Hà Nội<br>( <a href="https://doi.org/10.51298/vmj.v539i2.9784">https://doi.org/10.51298/vmj.v539i2.9784</a> )                                                                                                              | 4 |   | Tạp chí Y<br>học Việt<br>Nam<br>(ISSN:1859-1868) |  |  | Tập<br>539, số<br>2, 14-18    | 06/2024 |
| 31 | Đánh giá vai trò của<br>siêu âm cơ hoành<br>trong tiên lượng cai<br>thở máy tại khoa cấp<br>cứu và hồi sức tích<br>cực bệnh viện đại học<br>y Hà Nội<br>( <a href="https://doi.org/10.51298/vmj.v544i3.12066">https://doi.org/10.51298/vmj.v544i3.12066</a> )                                                                  | 3 |   | Tạp chí Y<br>học Việt<br>Nam(ISSN:<br>1859-1868) |  |  | Tập<br>544, số<br>3, 336-341  | 11/2024 |
| 32 | Giá trị của siêu âm<br>phổi đối chiếu với cắt<br>lớp vi tính ngực trong<br>đánh giá tổn thương<br>phổi ở bệnh nhân viêm<br>phổi có thông khí nhân<br>tạo xâm nhập tại bệnh<br>viện đại học y Hà Nội,<br>năm 2023-2024<br>( <a href="https://doi.org/10.51298/vmj.v544i2.11875">https://doi.org/10.51298/vmj.v544i2.11875</a> ) | 3 |   | Tạp chí Y<br>học Việt<br>Nam<br>(ISSN:1859-1868) |  |  | Tập<br>544, số<br>2, 299-304  | 11/2024 |
| 33 | Ứng dụng của thang<br>điểm KAISER trong<br>phân độ nguy cơ ác                                                                                                                                                                                                                                                                  | 2 |   | Tạp chí Y<br>học Việt<br>Nam                     |  |  | Tập<br>545, số<br>3, 339-     | 12/2024 |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                    |   |   |                                                  |  |  |                                  |             |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|--------------------------------------------------|--|--|----------------------------------|-------------|
|    | tính của tổn thương<br>ngấm thuốc trên cộng<br>hưởng từ tuyến vú<br>( <a href="https://doi.org/10.51298/vmj.v545i3.12423">https://doi.org/10.51298/vmj.v545i3.12423</a> )                                                                                                          |   |   | (ISSN:1859-1868)                                 |  |  | 342                              |             |
| 34 | Đặc điểm về số lượng,<br>hình thái hạch bẹn trên<br>siêu âm ở bệnh nhân<br>rò đường chấp được<br>chụp cộng hưởng từ<br>bạch mạch<br>( <a href="https://doi.org/10.51298/vmj.v547i3.13256">https://doi.org/10.51298/vmj.v547i3.13256</a> )                                          | 2 | ✓ | Tạp chí Y<br>học Việt<br>Nam<br>(ISSN:1859-1868) |  |  | Tập<br>547, số<br>3, 347-<br>350 | 02/2025     |
| 35 | Đặc điểm lâm sàng,<br>cận lâm sàng của bệnh<br>nhân sỏi niệu quản,<br>đối chiếu vai trò của X<br>quang và siêu âm với<br>cắt lớp vi tính trong<br>chẩn đoán sỏi niệu quản<br>( <a href="https://doi.org/10.51298/vmj.v547i3.13261">https://doi.org/10.51298/vmj.v547i3.13261</a> ) | 2 | ✓ | Tạp chí Y<br>học Việt<br>Nam<br>(ISSN:1859-1868) |  |  | Tập<br>547, số<br>3, 368-<br>372 | 02/2025     |
| 36 | Đánh giá vai trò hỗ trợ<br>của AI trong sàng lọc và<br>chẩn đoán ung thư vú<br>trên X quang tuyến vú<br>( <a href="https://doi.org/10.51298/vmj.v548i1.13474">https://doi.org/10.51298/vmj.v548i1.13474</a> )                                                                      | 2 | ✓ | Tạp chí Y<br>học Việt<br>Nam<br>(ISSN:1859-1868) |  |  | Tập<br>548, số<br>1, 345-<br>349 | 03/2025     |
| 37 | Nghiên cứu mối tương<br>quan giữa thang điểm<br>mức độ tổn thương phổi<br>trên hình ảnh cắt lớp vi<br>tính với mức độ nặng<br>bệnh COVID - 19<br>( <a href="https://doi.org/10.51298/vmj.v548i2.13444">https://doi.org/10.51298/vmj.v548i2.13444</a> )                             | 2 | ✓ | Tạp chí Y<br>học Việt<br>Nam<br>(ISSN:1859-1868) |  |  | Tập<br>548, số<br>2, 332-<br>336 | 03/2025     |
| 38 | Nghiên cứu giá trị đặc<br>điểm dạng tổn thương<br>trên cắt lớp vi tính<br>phổi trong tiên lượng<br>bệnh COVID- 19<br>( <a href="https://doi.org/10.51298/vmj.v548i2.13447">https://doi.org/10.51298/vmj.v548i2.13447</a> )                                                         | 2 | ✓ | Tạp chí Y<br>học Việt<br>Nam<br>(ISSN:1859-1868) |  |  | Tập<br>548, số<br>2, 345-<br>349 | 03/2025     |
| 39 | Mối liên quan giữa<br>triệu chứng hạn chế há<br>miệng với các đặc                                                                                                                                                                                                                  | 2 | ✓ | Tạp chí Y<br>học Việt<br>Nam                     |  |  | Tập<br>549, số<br>1, 252-        | 04/<br>2025 |

|    |                                                                                                                                                                                                                                     |   |   |                                            |  |  |                        |         |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|--------------------------------------------|--|--|------------------------|---------|
|    | điểm hình ảnh cộng hưởng từ khớp thái dương hàm ở bệnh nhân có rối loạn khớp<br>( <a href="https://doi.org/10.51298/vmj.v549i1.13566">https://doi.org/10.51298/vmj.v549i1.13566</a> )                                               |   |   | (ISSN:1859-1868)                           |  |  | 255                    |         |
| 40 | Đánh giá kích thước ốc tai trên cắt lớp vi tính trong phẫu thuật cấy ốc tai điện tử<br>( <a href="https://doi.org/10.51298/vmj.v549i1.13609">https://doi.org/10.51298/vmj.v549i1.13609</a> )                                        | 2 | ✓ | Tạp chí Y học Việt Nam<br>(ISSN:1859-1868) |  |  | Tập 549, số 1, 384-389 | 04/2025 |
| 41 | Đánh giá đáp ứng với điều trị hóa xạ trị tân bổ trợ ung thư thực quản bằng cắt lớp vi tính<br>( <a href="https://doi.org/10.51298/vmj.v549i2.13829">https://doi.org/10.51298/vmj.v549i2.13829</a> )                                 | 2 | ✓ | Tạp chí Y học Việt Nam<br>(ISSN:1859-1868) |  |  | Tập 549, số 2, 323-326 | 04/2025 |
| 42 | Giá trị của cộng hưởng từ trong chẩn đoán di căn phúc mạc ở bệnh nhân ung thư buồng trứng<br>( <a href="https://doi.org/10.51298/vmj.v549i2.13819">https://doi.org/10.51298/vmj.v549i2.13819</a> )                                  | 2 | ✓ | Tạp chí Y học Việt Nam<br>(ISSN:1859-1868) |  |  | Tập 549, số 2, 282-285 | 04/2025 |
| 43 | Vai trò của cắt lớp vi tính liều thấp trong sàng lọc ung thư phổi theo thang điểm Lung-Rads tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội<br>( <a href="https://doi.org/10.51298/vmj.v550i2.14254">https://doi.org/10.51298/vmj.v550i2.14254</a> ) | 2 | ✓ | Tạp chí Y học Việt Nam<br>(ISSN:1859-1868) |  |  | Tập 550, số 2, 267-270 | 05/2025 |
| 44 | Giá trị của cắt lớp vi tính định lượng trong chẩn đoán khí phế thũng ở người bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính<br>( <a href="https://doi.org/10.51298/vmj.v550i2.14198">https://doi.org/10.51298/vmj.v550i2.14198</a> )                  | 2 | ✓ | Tạp chí Y học Việt Nam<br>(ISSN:1859-1868) |  |  | Tập 550, số 2, 81-84   | 05/2025 |

**Hướng 2: Nghiên cứu phát triển và ứng dụng các kỹ thuật can thiệp tối thiểu dưới hướng dẫn của hình ảnh để hỗ trợ chẩn đoán và điều trị bệnh lý bạch mạch và một số bệnh lý khác.**

| <b>Trước khi bảo vệ luận án Tiến sĩ</b>         |                                                                                                                                                                                                                                 |    |  |                                                                      |                                                          |  |                               |         |
|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|--|----------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|--|-------------------------------|---------|
| <b>Các bài báo đăng trên tạp chí quốc tế</b>    |                                                                                                                                                                                                                                 |    |  |                                                                      |                                                          |  |                               |         |
| 45                                              | Interventional Treatment of Lymphatic Leakage Post Appendectomy: Case Report ( <a href="https://pubmed.ncbi.nlm.nih.gov/31198465/">https://pubmed.ncbi.nlm.nih.gov/31198465/</a> )                                              | 12 |  | Open Access Macedonian Journal of Medical Sciences (ISSN: 1857-9655) | Scopus, Q3, ISI, SCIE, Pubmed, IF: 0.913, CS: 1.3 (2021) |  | 7(9), 1512-1515               | 05/2019 |
| <b>Các bài báo đăng trên tạp chí trong nước</b> |                                                                                                                                                                                                                                 |    |  |                                                                      |                                                          |  |                               |         |
| 46                                              | Kết quả bước đầu điều trị suy tĩnh mạch nông chi dưới tại khoa Chẩn đoán hình ảnh Bệnh viện Đại học Y Hà Nội ( <a href="https://doi.org/10.55046/vjrm.27.448.2017">https://doi.org/10.55046/vjrm.27.448.2017</a> )              | 6  |  | Tạp chí Điện quang & Y học hạt nhân Việt Nam (ISSN: 1859-4832)       |                                                          |  | Số 27, 18-22                  | 3/2017  |
| <b>Sau khi bảo vệ luận án Tiến sĩ</b>           |                                                                                                                                                                                                                                 |    |  |                                                                      |                                                          |  |                               |         |
| <b>Các bài báo đăng trên tạp chí quốc tế</b>    |                                                                                                                                                                                                                                 |    |  |                                                                      |                                                          |  |                               |         |
| 47                                              | Case report: Emergency embolization for breast pseudoaneurysm following vacuum-assisted biopsy: a case report ( <a href="https://doi.org/10.11604/pamj.2021.38.135.27619">https://doi.org/10.11604/pamj.2021.38.135.27619</a> ) | 6  |  | PAMJ (ISSN: 1937-8688)                                               | Scopus, Q3, ESCI, Pubmed, IF: 0.831, CS: 1.7 (2024)      |  | Volume 38, Article 135, 1-5   | 02/2021 |
| 48                                              | A case report of pericallosal aneurysm successfully treated with flow diverter stents ( <a href="https://doi.org/10.1016/j.radcr.2021.05.063">https://doi.org/10.1016/j.radcr.2021.05.063</a> )                                 | 8  |  | Radiology Case Reports (ISSN: 1930-0433)                             | Scopus, Q3, Pubmed, IF: 0.834, CS: 1.1 (2023)            |  | Volume 16, Issue 9, 2447-2449 | 09/2021 |
| 49                                              | A Rare Case of Pseudoaneurysm and an Arteriovenous Fistula of the Lumbar Artery Treated by Endovascular Intervention ( <a href="http://dx.doi.org/10.15419/bmrat.v8i12.716">http://dx.doi.org/10.15419/bmrat.v8i12.716</a> )    | 6  |  | Biomedical Research and Therapy (ISSN: 2198-4093)                    | Scopus, Q4, ESCI, CS: 1.1 (2024)                         |  | Vol 8, No 12, 4803-4808       | 12/2021 |
| 50                                              | Chylous ascites after donor nephrectomy:                                                                                                                                                                                        | 10 |  | Radiology Case Reports                                               | Scopus, Q3,                                              |  | Volume 18,                    | 1/2023  |



|    |                                                                                                                                                                                                                                                              |   |  |                                                                     |  |  |                          |         |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|---------------------------------------------------------------------|--|--|--------------------------|---------|
| 55 | Chẩn đoán và điều trị điện quang can thiệp rò đường chấp vùng cổ sau mổ ung thư tuyến giáp                                                                                                                                                                   | 5 |  | Tạp chí Tai Mũi Họng Việt Nam (ISSN: 1859-3704)                     |  |  | Volume 65-49, số 3, 5-14 | 10/2020 |
| 56 | Đánh giá kết quả nút tắc ống ngực điều trị biến chứng rò đường chấp sau mổ ung thư tuyến giáp<br>( <a href="https://doi.org/10.55046/vjrm.45.58.2021">https://doi.org/10.55046/vjrm.45.58.2021</a> )                                                         | 6 |  | Tạp chí Điện quang & Y học hạt nhân Việt Nam (ISSN: 1859-4832)      |  |  | Số 45, 4-10              | 12/2021 |
| 57 | Chẩn đoán và điều trị tràn dịch đường chấp màng phổi tự phát<br>( <a href="https://doi.org/10.55046/vjmm.47.286.2022">https://doi.org/10.55046/vjmm.47.286.2022</a> )                                                                                        | 3 |  | Tạp chí Điện quang & Y học hạt nhân Việt Nam (ISSN: 1859-4832)      |  |  | Số 47, 50-56             | 06/2022 |
| 58 | Kết quả điều trị tiêm phong bế thần kinh v bằng cồn tuyệt đối liều thấp trên bệnh nhân đau dây thần kinh V nguyên phát tại bệnh viện đại học Y Hà Nội<br>( <a href="https://doi.org/10.51298/vmj.v518i2.3400">https://doi.org/10.51298/vmj.v518i2.3400</a> ) | 3 |  | Tạp chí Y học Việt Nam (ISSN:1859-1868)                             |  |  | Tập 518, số 2, 4-8       | 09/2022 |
| 59 | Điều trị rò bạch mạch sau mổ bằng can thiệp qua da xuyên nhu mô gan: Báo cáo ca lâm sàng.                                                                                                                                                                    | 4 |  | Tạp chí Nghiên cứu Y học (Trường Đại học Y Hà Nội) (ISSN:2354-080X) |  |  | Tập 134, số 10, 214-223  | 12/2020 |
| 60 | Kết quả sinh thiết màng hoạt dịch dưới hướng dẫn siêu âm trong chẩn đoán một số bệnh lý khớp thường gặp<br>( <a href="https://doi.org/10.52852/tcncyh.v159i11.1298">https://doi.org/10.52852/tcncyh.v159i11.1298</a> )                                       | 6 |  | Tạp chí Nghiên cứu Y học (Trường Đại học Y Hà Nội) (ISSN:2354-080X) |  |  | Tập 159 Số 11, 212-219   | 11/2022 |
| 61 | Đánh giá kết quả nút mạch tiên phẫu các khối u tăng sinh mạch của vùng đầu mặt cổ<br>( <a href="https://doi.org/10.51298/vmj.v524i2.4884">https://doi.org/10.51298/vmj.v524i2.4884</a> )                                                                     | 3 |  | Tạp chí Y Học Việt Nam (ISSN:1859-1868)                             |  |  | Tập 524, số 2, 314-318   | 03/2023 |

|    |                                                                                                                                                                                                                  |   |  |                                              |  |  |                    |         |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|----------------------------------------------|--|--|--------------------|---------|
| 62 | Giá trị của sinh thiết thận dưới hướng dẫn của chụp cắt lớp vi tính trong chẩn đoán u thận<br>( <a href="https://doi.org/10.56535/jmpm.v49.810">https://doi.org/10.56535/jmpm.v49.810</a> )                      | 6 |  | Tạp chí Y dược học quân sự (ISSN: 1859-0748) |  |  | Tập 49, 112-120    | 05/2024 |
| 63 | Đặc điểm chảy máu đường mật và can thiệp điều trị tại bệnh viện đại học y hà nội<br>( <a href="https://doi.org/10.51298/vmj.v541i1.10599">https://doi.org/10.51298/vmj.v541i1.10599</a> )                        | 2 |  | Tạp chí Y học Việt Nam (ISSN:1859-1868)      |  |  | Tập 541, số 1, 1-5 | 08/2024 |
| 64 | Kết quả bước đầu sử dụng giá đỡ lòng mạch tạm thời trợ giúp nút phình mạch não bằng vòng xoắn kim loại.<br>( <a href="https://doi.org/10.51298/vmj.v548i1.13224">https://doi.org/10.51298/vmj.v548i1.13224</a> ) | 2 |  | Tạp chí Y học Việt Nam (ISSN:1859-1868)      |  |  | Tập 548, số 1, 1-5 | 03/2025 |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: **04 bài số thứ tự: 8,11,12,13**

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

| T<br>T | Tên bài báo/báo cáo KH          | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố |
|--------|---------------------------------|------------|------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------|--------------------|
| I      | Trước khi được công nhận PGS/TS |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |
| 1      |                                 |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |
| II     | Sau khi được công nhận PGS/TS   |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |
| 1      |                                 |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

| TT | Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích | Tên cơ quan cấp | Ngày tháng năm cấp | Tác giả chính/đồng tác giả | Số tác giả |
|----|------------------------------------------------|-----------------|--------------------|----------------------------|------------|
| 1  |                                                |                 |                    |                            |            |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: .....

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

| TT | Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT | Cơ quan/tổ chức công nhận | Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm) | Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế | Số tác giả |
|----|--------------------------------------------------------------|---------------------------|------------------------------------------|----------------------------------|------------|
| 1  |                                                              |                           |                                          |                                  |            |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS: .....

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

| TT | Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN                 | Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia) | Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm) | Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng | Văn bản đưa vào áp dụng thực tế                                            | Ghi chú |
|----|-----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|----------------------------------------------|------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1  | Chương trình đào tạo trình độ Đại học chuyên ngành: Kỹ thuật hình ảnh y học | Tham gia                       | QĐ số 4957/QĐ-ĐHYHN ngày 23/08/2024          | Trường Đại học Y Hà Nội            | QĐ số 209/QĐ-ĐHYHN ngày 22/01/2025;<br>QĐ số 1378/QĐ-BGDDT ngày 21/05/2025 |         |

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế\*: Không

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội , ngày 30 tháng 06 năm 2025

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**Đoàn Tiến Lưu**